



TẠP CHÍ

Khoa học Kiểm sát

JOURNAL OF PROCURATORATE STUDIES

ISSN 2354-063X



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI
HANOI PROCURATORATE UNIVERSITY

SỐ 01 (27)
2019



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

Số 01 (27)
2019

ISSN 2354-063X

MỤC LỤC

Trang

TRẦN HỮU TRẮNG	Xu hướng của quy định về tội phạm	3
MAI ĐẮC BIÊN PHAN THỊ THU LÊ	Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự	12
VŨ XUÂN THAO	Bàn về khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự	17
ĐINH HOÀNG QUANG	Quyền kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành án phạt tù	25
NGUYỄN VĂN KHOA ĐIỀM	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vận động quần chúng trong phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	31
NGUYỄN THỊ THU HÀ TRẦN KIM THỌ	Một vài ý kiến về đương sự là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015	37
PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG KHÚC THỊ TRANG NHUNG	Pháp luật về quản lý lao động nước ngoài của một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam	43
NGUYỄN QUANG VỊNH	Một số phương pháp đo lường mức độ tham nhũng trên thế giới	50
ĐỖ THỊ PHƯỢNG	Tương trợ tư pháp hình sự trong giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục trẻ em	59



Tạp chí

Khoa học Kiểm sát

N° 01 (27)
2019

ISSN 2354-063X

INDEX

Page

TRAN HUU TRANG	Trends toward crime regulations	3
MAI DAC BIEN PHAN THI THU LE	Solutions to improve the efficiency of applying factors aggravating criminal liability in the Penal Code	12
VU XUAN THAO	Discussion on definitions of attestations in criminal cases	17
DINH HOANG QUANG	Right to protests and petitions of the People's Procuracies in execution of imprisonment sentence	25
NGUYEN VAN KHOA DIEM	Enhancing the efficiency of law propaganda, education and campaign citizens in preventing against crime of property snatching in the area of Ho Chi Minh City	31
NGUYEN THI THU HA TRAN KIM THO	Some comments about the litigants who have limited capacity for civil acts in the Civil Procedure Code in 2015	37
PHAM THI HUONG GIANG KHUC THI TRANG NHUNG	Legal regulations on foreign labors management of some nations and reference for Vietnam	44
NGUYEN QUANG VINH	Several methods to measure corruption levels in the world	50
DO THI PHUONG	Mutual legal assistance in the handling of child sexual abuse cases	59

BÀN VỀ KHÁI NIỆM ĐỐI TƯỢNG CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

VŨ XUÂN THAO*

Toàn bộ những dấu vết của tội phạm để lại bên ngoài thế giới khách quan và những vấn đề khác có liên quan là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, để có nhận thức đúng đắn, thống nhất bản chất của đối tượng chứng minh giữa các chủ thể tố tụng và trong các giai đoạn tố tụng thì trước hết cần phải bàn về khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự. Trên cơ sở các đặc điểm của đối tượng chứng minh và tham khảo, tiếp thu quan điểm của các tác giả trong nước và nước ngoài về đối tượng chứng minh, tác giả đưa ra khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự.

Từ khóa: Đối tượng chứng minh, chứng minh, vụ án hình sự.

All traces of crime leaf in the world and other related matters are attestations in criminal cases. However, in order to get exact and united perception about attestations among procedure subjects and in procedural stages, it is esential to discuss on definition of attestations in criminal cases first. Based on attestations' characteristics as well as reference to domestic and foreign reseachers, the author provides definitions of attestations in criminal cases.

Keywords: Attestations, prove, criminal cases.

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là khái niệm đa chiều, theo những cách tiếp cận, lý giải khác nhau sẽ có những khái niệm khác nhau về đối tượng chứng minh, tuy nhiên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng sẽ giúp chúng ta có cách hiểu đúng đắn bản chất của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự.

Lý luận về nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới khách quan và thực tiễn đóng vai trò là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức. Về vai trò của thực tiễn, C.Mác đã khẳng định: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan không, hoàn toàn không phải là một vấn đề lý luận mà là một vấn đề thực tiễn. Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý”¹. Từ khẳng định trên cho thấy, thực tiễn không những là yếu

tố quyết định sự hình thành và phát triển của nhận thức mà còn là cái đích để nhận thức hướng tới nhằm kiểm tra tính chân lý của quá trình nhận thức. Do vậy, khi tội phạm xảy ra thì toàn bộ dấu vết tội phạm cũng như những vấn đề khác liên quan đến vụ án là đối tượng của nhận thức và các chủ thể có nghĩa vụ chứng minh vụ án hình sự hoàn toàn có thể nhận thức được nó để chứng minh, làm rõ sự thật khách quan vụ án.

Chứng minh vụ án hình sự là một quá trình nhận thức chân lý các sự kiện, tình tiết của vụ án đã xảy ra bên ngoài thế giới khách quan thông qua việc đi tìm chứng cứ chứng minh nó. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận thức là sự phản ánh biện chứng tích cực, sự phản ánh đó là một quá trình vận động và phát triển không ngừng từ không biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất, từ thấp đến cao, từ nông đến sâu

¹ C.Mác-Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 3, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 9-10.

* Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

để nắm được bản chất quy luật của sự vật, hiện tượng. Để nhận thức được bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng thì chủ thể nhận thức cần phải tuân theo quy luật chung của nhận thức hiện thực khách quan, đó là: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn”². Về cơ sở của nhận thức, Lênin đã chỉ ra: “Hết thảy mọi vật chất đều có một đặc tính về bản chất gần giống nhau như cảm giác, đặc tính phản ánh”³ và “sự tác động qua lại làm bộc lộ thuộc tính phản ánh vốn có của vật chất”⁴. Theo đó, mọi hoạt động của con người nói chung và hoạt động tội phạm nói riêng đều là quá trình vật chất, do đó dù được thực hiện dưới hình thức nào, thủ đoạn có tinh vi đến đâu thì bất kỳ tội phạm nào cũng phải để lại những dấu vết nhất định bên ngoài thế giới khách quan và những dấu vết đó có thuộc tính phản ánh. Dấu vết của của tội phạm được phản ánh ở hai dạng là phản ánh vật chất và phản ánh tinh thần. Phản ánh vật chất là dạng phản ánh khi dấu vết tội phạm được lưu lại trên những vật thể hoặc chất nào đó (có hình dạng, kích thước, màu sắc, số lượng, trọng lượng...) mà con người có thể xác định được bằng các hoạt động cụ thể (như: Cân, đo, đếm...) hoặc bằng các giác quan (như: Cảm nắm, nhìn, ngửi...). Phản ánh tinh thần là dạng phản ánh khi dấu vết tội phạm được lưu lại trong bộ não của con người (người làm chứng, người bị hại, bị can, bị cáo...) và để những dấu vết này bộc lộ ra bên ngoài cần phải dùng các biện pháp chứng minh như: Lấy lời khai, đối chất, nhận dạng...⁵. Thông qua thuộc tính phản ánh của dấu vết tội phạm để lại hiện trường, các chủ

thể chứng minh có thể nhận thức được đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự để khôi phục lại toàn bộ sự thật khách quan, tìm ra chân lý, làm sáng tỏ bản chất của vụ án và các vấn đề có liên quan, trên cơ sở đó giải quyết vụ án hình sự khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

1. Đặc điểm của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là toàn bộ dấu vết tội phạm phản ánh những vấn đề liên quan đến vụ án ở bên ngoài thế giới khách quan mà các chủ thể tố tụng có thể nhận thức được và chứng minh nó để làm sáng tỏ sự thật khách quan vụ án. Trên cơ sở cách tiếp cận này thì đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự có những đặc điểm sau:

a. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là toàn bộ những sự kiện, tình tiết liên quan đến tội phạm xảy ra trong thực tế

“Tội phạm là hành vi cụ thể của con người được thể hiện ra thế giới khách quan. Chính vì sự tồn tại khách quan mà tội phạm cũng để lại các dấu vết nhất định. Bằng cách thu thập các dấu vết để lại và thông qua chúng con người có thể xác định được sự thật khách quan của vụ án”⁶. Bởi thế, bất kỳ tội phạm nào xảy ra thì bao giờ cũng để lại những dấu vết bên ngoài thế giới khách quan và tất cả những dấu vết ấy trở thành đối tượng của nhận thức, đòi hỏi các chủ thể tố tụng phải nhận thức, thu thập để khôi phục lại toàn bộ sự thật khách quan vụ án đúng như những gì nó đã xảy ra trong thực tế. Về bản chất, những dấu vết mà tội phạm để lại là những dấu vết được gây ra bởi chủ thể tội phạm, phản ánh toàn bộ diễn biến của hành vi phạm tội. Nói cách khác, đó là những sự kiện, tình tiết của vụ án, trực tiếp phát sinh từ hành vi phạm tội, như: Sự việc phạm tội; chủ thể thực hiện tội phạm; thời gian, địa điểm

² V.I. Lênin (1981), Toàn tập, tập 18, Nxb Tiến bộ, tr. 179.

³ V.I. Lênin (1981), Toàn tập, tập 18, Nxb Tiến bộ, tr. 104.

⁴ Triết học Mác – Lênin (1998), Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Nxb Tuyên huấn, Hà Nội, tr. 102.

⁵ Khổng Minh Tuấn, Ngô Sỹ Hiền, Phạm Xuân Thủy (2006), Kỹ thuật Điều tra hình sự, Nxb CAND, Hà Nội, tr. 225-226.

⁶ Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội, tr. 154.

phạm tội; phương tiện, công cụ phạm tội; hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra; v.v... Do đó, những sự kiện, tình tiết này là đối tượng chứng minh của quá trình tố tụng.

Tuy nhiên, để đạt được mục đích của hoạt động tố tụng thì ngoài việc phải làm rõ những dấu vết, tình tiết nêu trên, những tình tiết khác có liên quan đến vụ án, như: Những tình tiết xác định thẩm quyền điều tra, xét xử vụ án hình sự; những tình tiết xác định mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc bị đơn dân sự; những tình tiết phải chứng minh để làm rõ đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự; v.v... cũng phải được làm rõ. Mặc dù, những tình tiết này không phải là những tình tiết do tội phạm gây ra, không trực tiếp phản ánh diễn biến của hành vi phạm tội nhưng có ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án hình sự; nếu không được chứng minh làm rõ thì việc giải quyết vụ án hình sự sẽ không đảm bảo khách quan, thiếu chính xác hoặc có thể dẫn đến oan, sai nên những tình tiết này cũng là đối tượng chứng minh của quá trình tố tụng.

Như vậy, toàn bộ những sự kiện, tình tiết liên quan đến tội phạm xảy ra trong thực tế khách quan là đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, đòi hỏi các chủ thể tố tụng phải làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án.

b. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự của mỗi nước

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là những vấn đề phải được chứng minh làm rõ trong quá trình chứng minh vụ án nhưng nó chỉ có tính chất bắt buộc đối với các chủ thể chứng minh khi những vấn đề đó trở thành những vấn đề luật định, vì vậy các nước đều phải quy định đối tượng chứng minh trong pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) của nước mình. “Căn cứ vào các đặc điểm hình thành và tồn tại của từng loại dấu vết mà các nhà làm luật quy định trình tự, thủ tục thu thập, bảo quản,

kiểm tra, đánh giá chứng cứ khác nhau để đảm bảo cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án”⁷. Nói cách khác, các dấu vết của tội phạm để lại bên ngoài thế giới khách quan là dấu hiệu nội dung và pháp luật quy định về việc thu thập, bảo quản, đánh giá, sử dụng dấu vết tội phạm trong quá trình chứng minh vụ án là dấu hiệu hình thức. Do đó, quy định của pháp luật về đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự một mặt phải căn cứ vào quy định của luật hình sự về tội phạm, hình phạt, đồng thời còn phải dựa vào dấu vết tội phạm để lại trên thực tế và phải phù hợp với thực tiễn đấu tranh, xử lý tội phạm, với các điều kiện kinh tế xã hội mỗi quốc gia ở mỗi thời kỳ, bởi lẽ: “Nguyên nhân xuất hiện pháp luật nằm chính trong các nhu cầu của đời sống con người về kinh tế, văn hóa, xã hội, các quan hệ sở hữu, quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, thiết lập và giữ gìn trật tự xã hội, nhu cầu quản lý xã hội của nhà nước”⁸. Chính vì thế, nội dung và phạm vi đối tượng chứng minh sự khác nhau trong pháp luật mỗi nước và mỗi thời kỳ lịch sử. Có những nước, đối tượng chứng minh được thiết kế bằng một điều luật riêng trong luật tố tụng hình sự, liệt kê những sự kiện, tình tiết phải chứng minh trong vụ án hình sự (Nga, Việt Nam). Chẳng hạn như, Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự Nga năm 2001 quy định những vấn đề phải chứng minh, bao gồm: “Sự kiện phạm tội (thời gian, địa điểm, phương pháp và những tình tiết khác của việc thực hiện tội phạm); lỗi của người thực hiện tội phạm, hình thức lỗi và động cơ phạm tội; những tình tiết về nhân thân bị can; tính chất và mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra; những tình tiết loại trừ tội phạm và hình phạt đối với hành vi; những tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng mức hình

⁷ Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb CAND, HN, tr. 154.

⁸ Hoàng Thị Kim Quế (2015), Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb Đại học quốc gia HN, tr. 287

phạt; những tình tiết có thể dẫn đến việc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt⁹. Có những nước, đối tượng chứng minh không được quy định thành một điều luật riêng mà được quy định một cách chung chung hay gián tiếp trong một số điều luật của luật TTHS (Pháp, Mỹ, Trung Quốc, v.v...). Ví dụ: Khoản 1, Điều 116 Bộ luật TTHS Pháp năm 1996 quy định: “Trong lần hỏi cung đầu tiên, Dụ thẩm xác định căn cước của bị can...”¹⁰. Với quy định này thì rõ ràng Dụ thẩm phải làm rõ những tình tiết thuộc về nhân thân của bị can trong lần hỏi cung đầu tiên.

Như vậy, để đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động chứng minh tội phạm thì mỗi nước đều phải quy định đối tượng chứng minh trong pháp luật TTHS nước mình nhưng nội dung và phạm vi đối tượng chứng minh trong pháp luật TTHS các nước có sự khác nhau.

c. Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự được làm rõ thông qua các chủ thể chứng minh và thủ tục chứng minh do pháp luật tố tụng hình sự quy định

“Sự thật vụ án là mục đích mà bất kỳ mô hình TTHS nào cũng cần hướng tới, cho dù là mô hình TTHS tranh tụng hay mô hình TTHS thẩm vấn. Tuy nhiên, cách thức đi đến sự thật vụ án cũng như trách nhiệm chứng minh sự thật lại khác nhau ở mỗi mô hình TTHS và trong luật TTHS mỗi quốc gia”¹¹. Như vậy, mục đích của hoạt động tố tụng là giống nhau nhưng trách nhiệm chứng minh và thủ tục chứng minh trong luật TTHS các nước có sự khác nhau tùy thuộc vào từng mô hình TTHS cụ thể.

Về chủ thể chứng minh vụ án hình sự

Ở những nước theo mô hình TTHS tranh tụng, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về chủ thể buộc tội và chủ thể gỡ tội. “Việc tham dự của Luật sư vào mỗi phiên tòa là bắt buộc và tranh luận giữa Luật sư với Công tố viên là hoạt động chủ yếu, trở thành tâm điểm của một phiên tòa”¹². Nhận định này đã cho thấy, các bên có vai trò ngang nhau trong việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Để đảm bảo địa vị pháp lý cũng như đảm bảo việc chứng minh tội phạm, các nước theo mô hình TTHS tranh tụng giao trách nhiệm chứng minh tội phạm cho bên buộc tội và bên gỡ tội bằng những quy định cụ thể trong pháp luật TTHS. Ví dụ: Ở Anh, trách nhiệm chứng minh tội phạm của chủ thể buộc tội được quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Điều tra và TTHS năm 1996: “Vi mục đích của Phần này, điều tra hình sự là điều tra do cảnh sát tiến hành nhằm làm rõ...”¹³; trách nhiệm chứng minh tội phạm của chủ thể gỡ tội được quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Điều tra và TTHS năm 1996: “Khi một người bị cáo buộc về một tội theo điều này, trách nhiệm của người bào chữa phải chứng minh rằng...”¹⁴.

Ở những nước theo mô hình TTHS thẩm vấn hoặc mô hình TTHS đan xen nghiêng về thẩm vấn, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan có thẩm quyền THTT. “Tố tụng theo mô hình này nghĩa là huy động các cơ quan tố tụng chuyên nghiệp của Nhà nước (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát/Viện công tố, Tòa án) vào quá trình đi tìm sự thật của vụ án, các cơ quan này cùng được giao trách nhiệm chứng

⁹ Duma quốc gia Nga (2001), Bộ luật tố tụng hình sự, Viện Khoa học kiểm sát - VKSNDTC dịch, tr. 53-54.

¹⁰ Nghị viện Pháp (1996), Bộ luật tố tụng hình sự, (Nhà pháp luật Việt - Pháp dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 73.

¹¹ Nguyễn Ngọc Chí (2018), Giáo trình các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 184.

¹² Lê Văn Cẩm - Nguyễn Ngọc Chí (2004), Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 241.

¹³ Nghị viện Anh (1996), Luật Điều tra và tố tụng hình sự, Viện Khoa học kiểm sát - VKSNDTC dịch, tr. 25.

¹⁴ Nghị viện Anh (1996), Luật Điều tra và tố tụng hình sự, Viện Khoa học kiểm sát - VKSNDTC dịch, tr. 62.

minh tội phạm”¹⁵. Mặc dù không được coi là một bên tố tụng của vụ án, cũng không được giao trách nhiệm chứng minh tội phạm nhưng những gì pháp luật TTHS yêu cầu các chủ thể tham gia tố tụng phải thực hiện đều hướng tới việc làm rõ sự thật khách quan vụ án. Về vai trò chứng minh của các chủ thể tố tụng, GS.TS Đỗ Ngọc Quang đã đưa ra nhận định: “Có thể nói, toàn bộ hoạt động của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người có liên quan khác trong tất cả các giai đoạn tố tụng đều hướng vào việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm chứng minh những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự”¹⁶. Từ nhận định nêu trên cho thấy, những chủ thể này tuy không được giao trách nhiệm chứng minh tội phạm nhưng họ cũng là chủ thể chứng minh vụ án hình sự. Để đảm bảo việc chứng minh tội phạm, các nước theo mô hình tố tụng này cũng phải quy định trách nhiệm chứng minh cho các chủ thể bằng các quy định của luật TTHS. Ví dụ: Ở Trung Quốc, tại Điều 43 Bộ luật TTHS năm 1996 của nước này quy định: “Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên phải theo trình tự, thủ tục được quy định trong luật, phải thu thập các loại chứng cứ khác nhau để chứng minh sự có tội hay vô tội của bị can bị cáo và mức độ nghiêm trọng của tội phạm...”¹⁷.

Về thủ tục chứng minh vụ án hình sự

Các chủ thể được Nhà nước giao trách nhiệm chứng minh tội phạm phải tiến hành thu thập chứng cứ để làm rõ những vấn đề

phải chứng minh trong vụ án hình sự. “Đối với mỗi chứng cứ, quá trình chứng minh gồm các giai đoạn thu thập chứng cứ, kiểm tra chứng cứ và đánh giá chứng cứ”¹⁸. Nói cách khác, thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ là hoạt động trọng tâm, xuyên suốt của chủ thể chứng minh trong toàn bộ quá trình chứng minh tội phạm để tái hiện lại toàn bộ vụ án hình sự đúng như thực tế nó đã xảy ra. Chính vì tầm quan trọng đặc biệt của hoạt động này đối với việc làm sáng tỏ sự thật khách quan vụ án mà các nước, dù theo mô hình TTHS tranh tụng hay theo mô hình TTHS thẩm vấn, đều phải quy định thủ tục chứng minh trong pháp luật TTHS nước mình nhằm tránh sự tùy tiện hay cầu thả của các chủ thể tố tụng trong quá trình chứng minh giải quyết vụ án. Chứng minh tội phạm bao gồm các hoạt động thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ nên pháp luật TTHS các nước quy định thủ tục chứng minh là các thủ tục tương ứng với các hoạt động trên. Vì pháp luật về chứng cứ ở các nước không giống nhau nên mỗi nước thừa nhận các loại chứng cứ như thế nào thì quy định thủ tục thu thập phù hợp đối với mỗi loại chứng cứ đó. Ví dụ: Việt Nam thừa nhận lời khai của người làm chứng là chứng cứ nên đã quy định thủ tục lấy lời khai người làm chứng tại Điều 186 và Điều 187 Bộ luật TTHS năm 2015. Bên cạnh đó, thủ tục kiểm tra và thủ tục đánh giá chứng cứ ở các nước cũng có sự khác nhau, bởi vì các thủ tục này được tiến hành ở mỗi nước như thế nào thì lại do mô hình TTHS của nước đó quyết định.

Như vậy, đối tượng chứng minh được chứng minh làm rõ thông qua chủ thể chứng minh và thủ tục chứng minh do pháp luật TTHS của mỗi nước quy định. Tuy nhiên, chủ thể nào có trách nhiệm chứng minh và thủ tục chứng minh nó như thế nào thì lại

¹⁵ Nguyễn Thảo (2013), Mô hình TTHS của một số nước trên thế giới và một số gợi mở cho Việt Nam trong quá trình sửa đổi Bộ luật TTHS, tr. 1. [Http://noichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/201311/mo-hinh-to-tung-hinh-su](http://noichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/201311/mo-hinh-to-tung-hinh-su).

¹⁶ Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) (2016), Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 205.

¹⁷ Quốc hội nước CHND Trung Hoa (1996), Bộ luật tố tụng hình sự, Viện Khoa học kiểm sát - VKSNDTC dịch, Hà Nội, tr. 14.

¹⁸ Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội, tr. 187.

phụ thuộc vào mô hình TTTHS của nước đó.

d. *Đối tượng chứng minh có mối quan hệ chặt chẽ với chủ thể chứng minh và biện pháp chứng minh*

Đối tượng chứng minh có mối quan hệ chặt chẽ với chủ thể chứng minh và biện pháp chứng minh, vì chúng được hình thành trên cơ sở ý chí nhà nước và được quy định trong pháp luật. Hơn nữa, đây không phải là những mối quan hệ thông thường mà là những mối quan hệ này có tính biện chứng, được biểu hiện cụ thể như sau:

i) *Về mối quan hệ thứ nhất*, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự phải được và chỉ có thể được chứng minh thông qua chủ thể có nghĩa vụ chứng minh do luật TTTHS định mà không thể là chủ thể nào khác. Ngược lại, chủ thể có nghĩa vụ chứng minh chỉ phải chứng minh những sự kiện, tình tiết của vụ án đã được quy định trong pháp luật.

ii) *Về mối quan hệ thứ hai*, tương tự như mối quan hệ thứ nhất, đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự phải được và chỉ được làm rõ bằng những biện pháp chứng minh được quy định trong luật TTTHS. Điều này đồng nghĩa với việc các chủ thể chứng minh không được phép sử dụng những biện pháp chứng minh “ngoài luật” để làm rõ những sự kiện, tình tiết của vụ án hình sự. Trái lại, những biện pháp chứng minh do luật TTTHS quy định chỉ được sử dụng bởi các chủ thể chứng minh để làm sáng tỏ những vấn đề phải chứng minh trong vụ án.

Những mối quan hệ biện chứng nêu trên đã chỉ ra, muốn bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong TTTHS thì phải hoàn thiện pháp luật TTTHS về đối tượng chứng minh và biện pháp chứng minh, bởi lẽ nếu các chủ thể tố tụng chứng minh những sự kiện, tình tiết của vụ án hoặc sử dụng những biện pháp chứng minh chưa được quy định trong luật TTTHS thì rõ ràng là vi phạm nguyên tắc pháp chế, nhưng nếu không làm rõ những sự kiện, tình tiết đó hoặc không sử dụng

những biện pháp đó thì sẽ không làm sáng tỏ được sự thật khách quan vụ án. Do đó, để đảm bảo các mối quan hệ nêu trên thì các nước trên thế giới đều phải quy định trong pháp luật TTTHS nước mình các vấn đề, đó là: Đối tượng chứng minh, nghĩa vụ chứng minh và biện pháp chứng minh. Chẳng hạn như ở Pháp, Bộ luật TTTHS năm 1996 có một số điều luật quy định về đối tượng chứng minh (Điều 103, 176)¹⁹, nghĩa vụ chứng minh tội phạm (Điều 53, 54, 56)²⁰ và biện pháp chứng minh (Điều 55, 56, 116)²¹.

Như vậy, mối quan hệ giữa đối tượng chứng minh với chủ thể chứng minh và biện pháp chứng minh là mối quan hệ biện chứng, có tác động quan lại và được luật TTTHS quy định. Theo đó, các chủ thể có nghĩa vụ chứng minh phải áp dụng các biện pháp chứng minh do luật định để làm rõ đối tượng chứng minh. Cũng chính vì được hình thành trên cơ sở luật định nên mối quan hệ giữa đối tượng chứng minh với chủ thể chứng minh và biện pháp chứng minh là hết sức chặt chẽ.

2. Một số quan điểm về khái niệm đối tượng chứng minh

Khi nghiên cứu về chứng minh và đối tượng chứng minh trong TTTHS, đã có một số tác giả trong nước và nước ngoài đưa ra quan điểm của mình về khái niệm đối tượng chứng minh, tiêu biểu là các quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất của Giáo sư, tiến sĩ luật học Trung Quốc BianJianLin (Biện Kiến Lâm) cho rằng: Đối tượng chứng minh trong tố tụng hình sự là những sự thật của vụ án hình sự. Trong đó, sự thật

¹⁹ Nghị viện Pháp (1996), Bộ luật tố tụng hình sự, (Nhà pháp luật Việt - Pháp dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 69; tr. 110.

²⁰ Nghị viện Pháp (1996), Bộ luật tố tụng hình sự, (Nhà pháp luật Việt - Pháp dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 37-38.

²¹ Nghị viện Pháp (1996), Bộ luật tố tụng hình sự, (Nhà pháp luật Việt - Pháp dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 38; tr. 73.

chính của vụ án được quy định trong luật nội dung (luật hình sự) và một số sự thật khác của vụ án được quy định trong luật hình thức (luật TTHS)²². Quan điểm này được đưa ra khi tác giả bàn về đối tượng chứng minh trong TTHS với mục đích chủ yếu nhằm góp phần làm sáng tỏ vấn đề còn nhiều tranh cãi ở Trung Quốc ở thời điểm đó, đó là: Đối tượng chứng minh được quy định trong luật TTHS và luật hình sự hay cả trong luật chứng cứ? Bằng những lập luận khoa học của mình, đồng thời trên cơ sở phân tích, đánh giá và tham khảo các quan điểm đang tồn tại, tác giả đã khái niệm đối tượng chứng minh trong TTHS là “*những sự thật*” của vụ án cần phải chứng minh. Những sự thật này bao gồm: Sự thật chính được quy định trong luật hình sự (chẳng hạn như: Hành vi của bị cáo có cấu thành tội phạm hay không; nếu có thì cấu thành tội gì; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; v.v...) và một số sự thật được quy định trong luật TTHS (chẳng hạn như: Sự thật có liên quan đến việc cần đưa ra quyết định hoặc xét định của cơ quan TTHS như sự thật về bắt giữ người theo luật định; sự thật về bắt giữ người bị trở ngại; sự thật về mối quan hệ giữ người có thẩm quyền giải quyết vụ án với bị cáo ảnh hưởng đến khả năng phán xử công bằng đối với vụ án; v.v...). Để tập trung làm sáng tỏ vấn đề đang tranh cãi nên về khái niệm đối tượng chứng minh trong TTHS, tác giả mới đưa ra ở phương diện chung nhất, đó là “*những sự thật*” của vụ án phải chứng minh. Do đó, nội hàm của khái niệm chưa thật sự đầy đủ như chưa đề cập đến chủ thể có nghĩa vụ chứng minh, mục đích của việc xác định đối tượng chứng minh, v.v...

Quan điểm thứ hai của Giáo sư, tiến sĩ luật học Liên Xô M.X.trô-gô-vích cho rằng: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tổng hợp những sự kiện và tình tiết của

vụ án phải được xác định bằng chứng cứ để vụ án được giải quyết đúng đắn”²³. Quan điểm của tác giả đã bao quát được toàn bộ nội dung của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, đó là tổng hợp những vấn đề của vụ án phải làm rõ để giải quyết đúng đắn toàn bộ vụ án hình sự; đề cập đến mục đích của việc làm rõ đối tượng chứng minh; đặc biệt tác giả đã chỉ ra đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm hai vấn đề, đó là: *Những sự kiện và những tình tiết* của vụ án cần phải chứng minh. Người viết đồng tình với quan điểm này, bởi vì:

i) *Thứ nhất*, theo từ điển tiếng Việt thì: “Sự kiện” là “sự việc có ý nghĩa ít nhiều quan trọng đã xảy ra”²⁴ còn “tình tiết” là “sự việc nhỏ có quan hệ chặt chẽ trong quá trình diễn biến của sự kiện”²⁵. Khi sự kiện phạm tội xảy ra thì các yếu tố trong vụ án phải chứng minh như: Năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi của chủ thể tội phạm; động cơ, mục đích, công cụ, phương tiện phạm tội; hậu quả thiệt hại xảy ra, v.v...là những tình tiết của sự kiện phạm tội ấy. Tuy nhiên, theo nghiên cứu sinh, việc phân biệt giữa sự kiện và tình tiết đôi khi chỉ có tính chất tương đối, bởi lẽ cùng một vấn đề nếu đặt trong mối quan hệ này thì nó là tình tiết nhưng nếu đặt trong mối quan hệ khác thì nó lại là sự kiện.

ii) *Thứ hai*, ở khía cạnh nghiên cứu, trong lĩnh vực luật TTHS, một số tác giả đã nghiên cứu, chỉ ra: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm những sự kiện và tình tiết khác nhau, mà mỗi sự kiện, tình tiết nói riêng và tổng thể của chúng nói

²² 卞建林: “证据法学” (Luật học chứng cứ), 中国政法大学出版社 2007 年版, 第231页

²³ M.X.Xtrôgôvích (1991), “Lý luận chứng cứ”, Nxb Mátxcova, tr. 153 (Xem: Trần Quang Tiệp (2013), “Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam”, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 83)

²⁴ Nhà xuất bản Đà Nẵng (2003), Từ điển tiếng Việt, Đà Nẵng, tr. 846.

²⁵ Nhà xuất bản Đà Nẵng (2003), Từ điển tiếng Việt, Đà Nẵng, tr. 963.

chung, đều phải được nghiên cứu, làm sáng tỏ một cách khách quan, đầy đủ, toàn diện và chính xác”²⁶; “Những sự kiện, tình tiết của vụ án hình sự cần phải được xác định bằng chứng cứ tạo thành đối tượng chứng minh”²⁷; trong lĩnh vực luật dân sự, có tác giả đã nghiên cứu, chỉ ra: “Đối tượng chứng minh là tổng hợp những sự kiện, tình tiết làm cơ sở cho yêu cầu của đương sự và những sự kiện, tình tiết khác có ý nghĩa để giải quyết đúng vụ việc dân sự cần được xác định bằng chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự”²⁸.

iii) *Thứ ba*, thực tiễn pháp luật, trong luật tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, Việt Nam đã quy định đối tượng chứng minh trong vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính là những sự kiện, tình tiết. Ví dụ: Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “những sự tình tiết, sự kiện không phải chứng minh”²⁹; hoặc Điều 79 Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định “những sự tình tiết, sự kiện không phải chứng minh”³⁰. Do đó, quan điểm thứ hai về khái niệm đối tượng chứng minh không những tạo sự nhận thức thống nhất trên phương diện lý luận mà còn là căn cứ để quy định thống nhất, đồng bộ khái niệm đối tượng chứng minh trong luật tố tụng các lĩnh vực ở nước ta trong thời gian tới. Bên cạnh đó, khái niệm này cũng chưa thật sự hoàn chỉnh vì nội hàm của khái niệm chưa đề cập đến chủ thể nào có nghĩa vụ làm rõ đối tượng chứng minh, v.v...

²⁶ Trần Quang Tiệp (2013), Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 84.

²⁷ Đào Trí Úc (1994), Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 475.

²⁸ Nguyễn Minh Hằng (2009), Hoạt động chứng minh trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr. 14.

²⁹ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật tố tụng dân sự, Nxb Lao động, Hà Nội, tr. 73.

³⁰ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Bộ luật tố tụng hành chính, Nxb Lao động, Hà Nội, tr. 62.

Quan điểm thứ ba của thạc sĩ luật học Tô Hữu Thông cho rằng: “Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tất cả những vấn đề chưa biết nhưng cần phải biết để làm sáng tỏ bản chất của vụ án, trên cơ sở đó các cơ quan tiến hành tố tụng ra các quyết định phù hợp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và đề ra các biện pháp phòng ngừa”³¹. Quan điểm của tác giả đã bao quát được toàn bộ nội dung của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, đó là tất cả những vấn đề của vụ án chưa biết nhưng cần phải biết để làm sáng tỏ bản chất của vụ án. Tuy nhiên, quan điểm của tác giả về đối tượng chứng minh còn quá chung chung, chưa chỉ ra cụ thể đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm những vấn đề gì, do ai phải chứng minh, mục đích của việc làm rõ đối tượng chứng minh mà khái niệm này đưa ra cũng chưa thật sự đầy đủ vì mục đích của việc làm rõ đối tượng chứng minh không chỉ nhằm làm sáng tỏ bản chất vụ án mà còn phải làm sáng tỏ những vấn đề khác có liên quan đến vụ án, v.v...

Từ những đặc điểm cơ bản của đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự, đồng thời trên cơ sở tham khảo, tiếp thu quan điểm của các tác giả trong nước và nước ngoài về đối tượng chứng minh, người viết đưa ra khái niệm đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự như sau:

Đối tượng chứng minh trong vụ án hình sự là tất cả những sự kiện, tình tiết của vụ án chưa biết nhưng các chủ thể tố tụng mà trước hết là các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải biết, phải thu thập chứng cứ để làm rõ, trên cơ sở đó làm sáng tỏ bản chất vụ án và những vấn đề có liên quan nhằm giải quyết đúng đắn toàn bộ vụ án hình sự phù hợp với các quy định của pháp luật./.

³¹ Tô Hữu Thông (2004), Đối tượng chứng minh trong tố tụng hình sự, luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 24.